

Chuyên đề: Sports (Các môn thể thao) & Cấu trúc

"Can you...?"

Chào các em học sinh lớp 3! Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một chủ đề rất thú vị và năng động: các môn thể thao và cách hỏi xem ai đó có thể làm gì không nhé! Học xong bài này, các em có thể tự tin nói về môn thể thao mình yêu thích và hỏi bạn bè về khả năng của họ đấy.

I. Từ vựng về các môn thể thao (Vocabulary about Sports)

Để nói về thể thao, trước tiên chúng ta cần biết tên của chúng bằng tiếng Anh. Dưới đây là những từ vựng về các môn thể thao phổ biến mà các em cần ghi nhớ.

Từ vựng (Vocabulary)	Phiên âm (Pronunciation)	Nghĩa tiếng Việt (Meaning)
Football / Soccer	/'fʊt.bɔ:l/ /'sɒk.ər/	Bóng đá
Basketball	/'bɑ:skɪt.bɔ:l/	Bóng rổ
Volleyball	/'vɒl.i.bɔ:l/	Bóng chuyền
Badminton	/'bæd.mɪn.tən/	Cầu lông
Tennis	/'ten.ɪs/	Quần vợt
Swimming	/'swɪm.ɪŋ/	Bơi lội
Cycling	/'saɪ.klɪŋ/	Đạp xe
Running	/'rʌn.ɪŋ/	Chạy bộ
Karate	/kə'ra:ti/	Võ Karate
Yoga	/'jəʊ.gə/	Môn Yoga
Skateboarding	/'skeɪt.bɔ:ˌdɪŋ/	Trượt ván
Skiing	/'ski:ˌɪŋ/	Trượt tuyết

Ví dụ trong câu:

- My favorite sport is **football**. (Môn thể thao yêu thích của tớ là bóng đá.)
- I like **swimming** in the summer. (Tớ thích đi bơi vào mùa hè.)
- He is good at **basketball**. (Anh ấy chơi bóng rổ rất giỏi.)

II. Ngữ pháp trọng tâm: Cấu trúc "Can" (Grammar Focus: "Can")

Chúng ta dùng "Can" để nói về khả năng, tức là ai đó **có thể** hoặc **không thể** làm một việc gì đó. Dạng phủ định của "can" là "cannot" hoặc viết tắt là "can't".

1. Câu hỏi và trả lời Yes/No (Yes/No Questions and Answers)

Để hỏi ai đó có biết chơi hoặc làm gì không, chúng ta dùng cấu trúc sau:

Cấu trúc hỏi: Can + you + [động từ nguyên mẫu]?

Cấu trúc trả lời:

- **Yes, I can.** (Có, tớ có thể.)
- **No, I can't.** (Không, tớ không thể.)

Ví dụ minh họa:

1. Hỏi: **Can you** play football? (Bạn có thể chơi bóng đá không?)

Trả lời: **Yes, I can.** (Có, tớ có thể.)

2. Hỏi: **Can you** swim? (Bạn có biết bơi không?)

Trả lời: **No, I can't.** (Không, tớ không biết bơi.)

3. Hỏi: **Can you** ride a bike? (Bạn có biết đi xe đạp không?)

Trả lời: **Yes, I can.** (Có, tớ biết.)

2. Mở rộng với các chủ ngữ khác (He/She/They)

Cấu trúc này cũng dùng được với các bạn khác, không chỉ hỏi "bạn" (you). Các em có thể hỏi về một bạn nam (he), một bạn nữ (she), hoặc nhiều người (they).

Cấu trúc hỏi: Can + he / she / they + [động từ nguyên mẫu]?

Cấu trúc trả lời:

- **Yes, he / she / they can.**
- **No, he / she / they can't.**

Ví dụ minh họa:

1. Hỏi: **Can he** play tennis? (Cậu ấy có thể chơi quần vợt không?)
Trả lời: **Yes, he can.** (Có, cậu ấy có thể.)
2. Hỏi: **Can she** do yoga? (Cô ấy có thể tập yoga không?)
Trả lời: **No, she can't.** (Không, cô ấy không thể.)
3. Hỏi: **Can they** play basketball? (Họ có thể chơi bóng rổ không?)
Trả lời: **Yes, they can.** (Có, họ có thể.)

Lưu ý quan trọng: Động từ "can" và "can't" không thay đổi theo chủ ngữ. Dù là I, you, he, she, it, we, they, chúng ta đều dùng "can" hoặc "can't".

III. Cách dùng các động từ Play, Go, Do với môn thể thao

Trong tiếng Anh, không phải môn thể thao nào cũng đi với động từ "play". Chúng ta có 3 động từ chính: **play**, **go**, và **do**. Việc sử dụng đúng động từ sẽ giúp câu của các em tự nhiên hơn.

1. Khi nào dùng "Play"?

Công thức: play + [tên môn thể thao]

Chúng ta dùng "play" với các môn thể thao có tính đồng đội, có sự đối kháng hoặc các môn thể thao chơi với bóng (ball games).

- Ví dụ: play football, play basketball, play volleyball, play tennis, play badminton, play chess.
- Câu ví dụ:
 - I can **play football** with my friends. (Tôi có thể chơi bóng đá với bạn bè.)
 - She can **play badminton** very well. (Cô ấy có thể chơi cầu lông rất giỏi.)

2. Khi nào dùng "Go"?

Công thức: go + [động từ thêm -ing]

Chúng ta dùng "go" với các hoạt động hoặc môn thể thao có động từ kết thúc bằng đuôi "-ing".

- Ví dụ: go swimming, go cycling, go running, go skateboarding, go skiing.
- Câu ví dụ:
 - They **go swimming** every weekend. (Họ đi bơi vào mỗi cuối tuần.)
 - Can you **go cycling** with me? (Bạn có thể đi đạp xe với mình không?)

3. Khi nào dùng "Do"?

Công thức: do + [tên môn thể thao/hoạt động]

Chúng ta dùng "do" với các môn thể thao mang tính cá nhân, không có tính đồng đội, các môn võ thuật hoặc các bài tập thể dục.

- Ví dụ: do karate, do yoga, do aerobics, do gymnastics.
- Câu ví dụ:
 - My brother can **do karate**. (Anh trai tôi có thể múa võ karate.)
 - My mom likes to **do yoga** in the morning. (Mẹ tôi thích tập yoga vào buổi sáng.)

Bảng tổng hợp nhanh

Động từ	Cách dùng	Ví dụ
Play	Môn thể thao đồng đội, dùng bóng, có tính đối kháng.	play football, play tennis, play basketball
Go	Hoạt động kết thúc bằng đuôi -ing.	go swimming, go cycling, go running
Do	Môn thể thao cá nhân, võ thuật, bài tập thể dục.	do karate, do yoga, do gymnastics

IV. Hội thoại mẫu (Sample Dialogues)

Hãy cùng xem các bạn nhỏ áp dụng kiến thức đã học vào giao tiếp như thế nào nhé!

Hội thoại 1: Tại sân chơi

Mai: Hi, Nam. What are you doing?

Nam: Hi, Mai. I'm playing football. Can you play football?

Mai: No, I can't. But I can play badminton.

Nam: Great! Let's play badminton tomorrow!

Hội thoại 2: Hỏi về khả năng

Peter: Can you swim, Linda?

Linda: Yes, I can. I go swimming with my dad.

Peter: Wow. Can you ride a bike?

Linda: No, I can't. Can you?

Peter: Yes, I can. I can teach you!

V. Bài tập vận dụng (Practice)

Bây giờ là lúc luyện tập để ghi nhớ kiến thức tốt hơn!

Bài 1: Điền "play", "go" hoặc "do" vào chỗ trống.

1. I can _____ football.
2. My sister can _____ yoga.
3. They often _____ swimming in the lake.
4. Can you _____ badminton?
5. He wants to _____ karate.

Bài 2: Trả lời các câu hỏi sau về bản thân em (dùng Yes, I can. / No, I can't.).

1. Can you swim?
2. Can you play basketball?
3. Can you ride a bike?
4. Can you do karate?
5. Can you play the piano?

Bài 3: Sắp xếp các từ thành câu hỏi hoàn chỉnh.

1. you / Can / tennis / play / ?
2. he / Can / ride / a / bike / ?
3. they / Can / swimming / go / ?

Đáp án gợi ý

Bài 1:

1. play
2. do
3. go
4. play
5. do

Bài 2:

(Câu trả lời của mỗi học sinh sẽ khác nhau)

1. Yes, I can. / No, I can't.

2. Yes, I can. / No, I can't.

3. Yes, I can. / No, I can't.

4. Yes, I can. / No, I can't.

5. Yes, I can. / No, I can't.

Bài 3:

1. Can you play tennis?

2. Can he ride a bike?

3. Can they go swimming?